

Số: /2024/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-STNMT ngày tháng ... năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....và thay thế Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Sóc Trăng và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, TN&MT, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các Đoàn thể tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH tỉnh ST;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: HC, KT, TH, XD, VX, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Nam

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày tháng năm
của UBND tỉnh Sóc Trăng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định chi tiết Khoản 2 Điều 104, Khoản 2 Điều 108, Khoản 5 Điều 109, Khoản 7 Điều 111, Khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai năm 2024; Khoản 3 Điều 4; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 15; Điều 16; điểm b Khoản 2 Điều 17; điểm c Khoản 1 Điều 18; Khoản 2 Điều 19; Điều 20; Điều 21; Khoản 3 Điều 22; Khoản 2 Điều 23; điểm c Khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và một số quy định cụ thể khác về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG

Điều 3. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai (Quy định chi tiết Khoản 3 Điều 4 Nghị định) (Quy định mới).

1. Việc bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho người có đất thu hồi được thực hiện khi có đủ các điều kiện như sau:

a) Người có đất thu hồi có nhu cầu được bồi thường bằng đất khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) nơi có đất thu hồi có điều kiện về quỹ đất hoặc quỹ nhà ở đủ để thực hiện bồi thường.

c) Diện tích của thửa đất quy đổi bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa nhưng không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định tại địa phương.

2. Tỷ lệ quy đổi được xác định như sau:

$$T_{qd} = \frac{G_{bt}}{G_{qd}}$$

Trong đó:

T_{qd} : Tỷ lệ quy đổi;

G_{bt} : Giá đất tại vị trí của loại đất bồi thường;

G_{qd} : Giá đất tại vị trí của loại đất quy đổi;

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A bị thu hồi 1000 m² đất nông nghiệp, có giá đất bồi thường là 100.000 đồng/m², ông A được bồi thường bằng đất khác, loại đất quy đổi để bồi thường là đất ở có giá đất là 1.000.000 đồng/m². Tỷ lệ quy đổi là 100.000/1.000.000 = 1/10, tức là 10m² đất nông nghiệp đổi 1m² đất ở. Vậy ông A được bồi thường bằng 100m² đất ở.

3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định tỷ lệ quy đổi, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Giá đất để tính tỷ lệ quy đổi được xác định tại thời điểm thu hồi đất.

Điều 4. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất (Quy định chi tiết Khoản 1 Điều 14 Nghị định)

1. Mức bồi thường bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình khác bị thiệt hại và khoản tiền bằng 10% giá trị hiện có của nhà, công trình đó; nhưng tổng mức bồi thường tối đa không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì được bồi thường phần giá trị nhà, công trình bị phá dỡ theo quy định. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định hoặc thuê đơn vị tư vấn xác định chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ hoặc tháo dỡ, thông qua cơ quan chuyên

ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư làm cơ sở chi trả cho người bị thiệt hại nhà, công trình khác bị tháo dỡ hoặc phá dỡ.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại không sử dụng được thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm kê khai, tổng hợp thông qua cơ quan chuyên ngành xác nhận trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm cơ sở bồi thường đối với toàn bộ nhà, công trình xây dựng đó theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Đối với nhà, công trình xây dựng có kết cấu phức tạp hoặc không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm kê, lập dự toán chi phí đầu tư, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm căn cứ bồi thường.

Điều 5. Bồi thường do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất
(Quy định chi tiết Khoản 2 Điều 15 Nghị định)

Đối với mồ mã trong phạm vi đất thu hồi phải di dời thì được bố trí đất để di dời mồ mã và được bồi thường các chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác theo quy định sau:

1. Bồi thường chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng lại cho từng loại mã:

- Mã đất: 7.500.000 đồng/mộ.
- Mã đá, mã xây gạch bán kiên cố (thông dụng): 13.500.000 đồng/ mộ.
- Mã xây gạch bán kiên cố có khuôn viên: 18.000.000 đồng/ mộ.
- Mã xây gạch kiên cố (có cần gạch men hoặc đá mài): 19.500.000 đồng/mộ.

- Đối với mồ mã có kết cấu phức tạp thì đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án xem xét, xác định mức bồi thường theo kết cấu xây dựng thực tế cho từng trường hợp cụ thể, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm căn cứ bồi thường.

2. Đối với nhà mồ trong phạm vi đất thu hồi phải di dời thì được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới.

3. Bố trí đất để cải táng mồ mã tại nghĩa trang nhân dân cấp xã; trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mã ngoài khu vực được bố trí, trường hợp không có nghĩa trang nhân dân cấp xã hoặc tại nghĩa trang nhân dân cấp xã không còn đất cải táng thì được bồi thường, hỗ trợ tiền mua đất để cải táng là 22.500.000 đồng/ mộ.

4. Trường hợp mồ mã trong phạm vi đất thu hồi phải di dời mà không có người thân thực hiện việc di dời thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mỏ mả phải di dời tiến hành các thủ tục di dời mỏ mả theo phong tục, tập quán tại địa phương với chi phí không được vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều này; kinh phí di dời được tính trong kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

Điều 6. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ (Quy định chi tiết Điều 16 Nghị định)

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường 100% giá trị chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp đơn vị liên quan xác định các hạng mục và chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm căn cứ bồi thường.

Điều 7. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất (Quy định chi tiết điểm b Khoản 2 Điều 17 Nghị định)

Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh hoặc người có đất thu hồi không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp đơn vị liên quan và chủ đầu tư xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm căn cứ bồi thường.

Điều 8. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn (Quy định chi tiết điểm c Khoản 1 Điều 18 Nghị định)

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường, hỗ trợ thiệt hại như sau:

1. Đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn (ngoại trừ đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không) thì được bồi thường theo tỷ lệ phần trăm (%) mức hạn chế bị ảnh hưởng thực tế do hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn gây ra; căn cứ vào tình hình thực tế từng dự án và mức độ ảnh hưởng từng loại công trình, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các ngành chức năng xác định mức độ ảnh hưởng, lập dự toán kinh phí bồi thường, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để chi trả.

2. Đối với đất phi nông nghiệp trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không

a) Đất ở được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng là loại đất ở được quy định tại Điều 195 và Điều 196 Luật Đất đai; đất phi nông nghiệp ngoài đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

b) Diện tích đất ở được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất là diện tích đất ở thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng, mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi đất ở. Đối với trường hợp hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng thửa đất ở trong hành lang cũng được bồi thường, mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi đất cùng loại, được tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng.

c) Diện tích đất phi nông nghiệp (ngoài đất ở) được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng (trừ diện tích đất trong cùng thửa đất ở đã quy định tại điểm b khoản này) cũng được bồi thường, mức bồi thường bằng 50% mức bồi thường thu hồi đất cùng loại được tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng.

d) Đối với đất phi nông nghiệp không đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mức bồi thường bằng 50% mức bồi thường đất cùng loại quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng.

3. Đối với đất nông nghiệp trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không

a) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không thì chủ sử dụng được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường được thực hiện một lần, mức bồi thường bằng 40% mức bồi thường thu hồi đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác, tính trên diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không chiếm dụng.

b) Đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không thì chủ sử dụng được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường được thực hiện một lần, mức bồi thường bằng 30% mức bồi thường thu hồi đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, tính trên diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không chiếm dụng”.

Điều 9. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất
(Quy định chi tiết Khoản 2 Điều 104 của Luật Đất Đai)

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để di chuyển như sau:

- Tài sản bị giải tỏa có diện tích xây dựng nhỏ hơn hoặc bằng 60 m² thì được bồi thường 6.500.000 đồng/hộ.

- Tài sản bị giải tỏa có diện tích xây dựng trên 60 m² đến 100 m² thì được bồi thường 13.000.000 đồng/hộ.

- Tài sản bị giải tỏa có diện tích xây dựng trên 100 m² thì được bồi thường 19.500.000 đồng/hộ.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp, khi Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì được bồi thường kinh phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt (nếu có). Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm căn cứ bồi thường.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 10. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất (*Quy định chi tiết Khoản 2 Điều 19 Nghị định*)

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ trong thời gian 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng.

2. Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống và mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính theo quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

Điều 11. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất (*Quy định chi tiết Khoản 3, 4, 6 Điều 20 Nghị định*)

1. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định

sản xuất, kinh doanh cho một vụ đầu, mức hỗ trợ bằng 30% giá trị chi phí các loại bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền với mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ mà không chứng minh được thu nhập hàng năm thì được hỗ trợ ổn định sản xuất 10.000.000 đồng/hộ.

d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh nhỏ, lẻ thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ mà không có đăng ký kinh doanh (không nộp thuế môn bài) trên cơ sở xác nhận của UBND cấp xã tại nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ ổn định sản xuất 7.000.000 đồng/hộ.

2. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động, thời gian hỗ trợ trợ cấp là 06 tháng.

3. Số tiền hỗ trợ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này được chi trả một lần sau khi có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND cấp có thẩm quyền.

Điều 12. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn (Quy định chi tiết Điều 21 Nghị định) (Quy định mới)

1. Hỗ trợ di dời vật nuôi

a) Trường hợp vật nuôi đã đến thời kỳ thu hoạch thì người dân phải thực hiện thu hoạch không phải di dời trước khi bàn giao mặt bằng.

b) Trường hợp phải di dời vật nuôi để bàn giao mặt bằng thì mức hỗ trợ theo số lượng và chi phí thực tế.

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các đơn vị liên quan và tiến độ thực hiện dự án xác định trường hợp phải di dời hoặc không phải di dời, kiểm tra thực tế số lượng vật nuôi phải di dời, chỗ vật nuôi được di dời đến để lập dự toán, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Trường hợp tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản được hỗ trợ 100% chi phí để tháo dỡ, phá dỡ, di dời. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng lập dự toán chi phí tháo dỡ, phá dỡ, di dời thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 13. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất (Quy định Khoản 3 Điều 22 Nghị định)

Hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

Điều 14. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Quy định Khoản 2 Điều 23 Nghị định)

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ tự lo chỗ ở bằng giá trị suất đầu tư hạ tầng tại khu tái định cư tập trung thuộc khu vực đô thị là 125 triệu đồng, thuộc khu vực nông thôn là 100 triệu đồng.

Điều 15. Suất tái định cư (Quy định điểm c Khoản 1 Điều 24 Nghị định)

1. Suất tái định cư tối thiểu đối với trường hợp quy định bằng tiền.

a) Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bao gồm giá trị suất đầu tư hạ tầng, giá trị đất nền tái định cư và giá trị nhà.

b) Giá trị suất tái định cư tối thiểu tại khu vực đô thị là 250 triệu đồng; khu vực nông thôn 200 triệu đồng; giá trị suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung thuộc khu vực đô thị là 125 triệu đồng; thuộc khu vực nông thôn là 100 triệu đồng.

Điều 16. Hỗ trợ cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất (Quy định Khoản 2 Điều 24 của Nghị định) (Quy định mới)

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương (cấp huyện) có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì UBND cấp huyện xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, bán nhà ở. Trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ là 03 tháng tiền thuê nhà được quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy định này tính từ ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 17. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người có đất ở thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và thưởng cho người có đất bị thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn (Quy định khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai) (Quy định mới)

1. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người có đất ở thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị:

a) Hộ gia đình có từ 1 đến 4 nhân khẩu: 2.500.0000 đồng/hộ/tháng.

b) Từ nhân khẩu thứ 5 trở lên được cộng thêm 500.000 đồng/người/tháng, nhưng tổng mức hỗ trợ không vượt quá 5.000.000 đồng/hộ/tháng.

c) Thời gian hỗ trợ thuê nhà ở là 6 tháng.

2. Mức thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền và tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và công trình, cây trồng, hoa màu,... từ 2.500.000 đồng trở lên là 4% giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không vượt quá quy định sau:

a) Chi thiệt hại về đất: 5.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Thiệt hại về đất và làm ảnh hưởng một phần nhà, công trình: 7.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

c) Bị thu hồi đất và giải toả nhà: 20.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

Điều 18. Hỗ trợ cho các hộ gia đình còn thiếu (Quy định khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai)

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được hỗ trợ để giao đất có thu tiền sử dụng đất là 01 nền đất ở hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua 01 căn nhà ở theo quy hoạch tại khu tái định cư cho mỗi hộ gia đình đủ điều kiện tách hộ theo quy định của pháp luật về cư trú.

Điều 19. Hỗ trợ khác (Quy định khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai)

1. Trường hợp người có đất thu hồi có nhà, nhà ở, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp trước ngày Chi thị số 12/CT-UBND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì được hỗ trợ khác bằng tiền, mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với nhà ở, công trình phục vụ đời sống và nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, mức hỗ trợ khác bằng 70% mức bồi thường của quy định tại Khoản 1 và điểm a Khoản 2 Điều 102 Luật đất đai năm 2024.

b) Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất, mức hỗ trợ khác bằng 70% mức bồi thường của quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

2. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18 và khoản 1 Điều 19 của Quy định này, để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm lập phương án hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, trình UBND tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi đất

a) Tạo điều kiện, phối hợp với các cơ quan Nhà nước, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trong công tác điều tra, phúc tra, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Có trách nhiệm chấp hành đầy đủ và đúng thời gian về thu hồi đất theo quy định của Nhà nước; bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định.

Trường hợp không thực hiện đúng quy định hoặc có hành vi chống đối, lôi kéo người khác tham gia việc không chấp hành các quy định bồi thường thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư dự án

a) Chủ động phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo đầy đủ, kịp thời về kinh phí để chi trả tiền

bồi thường, hỗ trợ và kinh phí cho tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định;

b) Sau khi được bàn giao đất, tiến hành sử dụng đất đúng mục đích, đầu tư đúng tiến độ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chủ trì lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình các cấp, các ngành thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, sự phù hợp với chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Phối hợp với UBND cấp xã tổ chức họp dân, niêm yết công khai kế hoạch chi tiết bồi thường, giải phóng mặt bằng, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các văn bản khác liên quan đến thu hồi đất. Hướng dẫn, giải đáp những ý kiến thắc mắc, góp ý của người bị thu hồi đất và nhân dân liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Niêm yết công khai và chuyển quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kèm phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết đã được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt cho người bị thu hồi đất;

đ) Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 21. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi

a) Chủ trì phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động người bị thu hồi nhà đất chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất của Nhà nước;

b) Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư điều tra, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức công bố, niêm yết công khai dự thảo phương án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án đã phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung:

- Xác nhận chủ sử dụng đất, tình trạng sử dụng đất của người bị thu hồi đất, mục đích sử dụng đất, loại đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tài sản trên đất.

- Phối hợp với công an cùng cấp để xác định dữ liệu về cư trú và điều kiện tách hộ của hộ gia đình, cá nhân tại nơi thu hồi đất.

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

đ) Giải quyết đơn thư theo thẩm quyền phát sinh trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các đơn thư về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện, tiến độ và kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn; thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền;

b) Phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cơ sở pháp lý, tính chính xác của các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết, dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn thuộc thẩm quyền;

c) Thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư tại địa phương và giao đất tại khu tái định cư theo đúng quy định; Quy hoạch và xây dựng các khu quy hoạch dân cư ngoài các khu tái định cư để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng theo các quy định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được giao đất theo quy định;

d) Thu hồi giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi cả thửa đất; chỉ đạo chỉnh lý hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi một phần diện tích của thửa đất theo thẩm quyền;

đ) Phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các phòng trực thuộc, UBND cấp xã để thực hiện;

e) Giải quyết các kiến nghị, khiếu nại theo quy định;

g) Xây dựng, thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở, ngành tỉnh và các cơ quan liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, hoàn chỉnh các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng theo quy định đối với tổ chức phải di chuyển đến địa điểm mới do bị thu hồi đất;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện quy định này. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tham mưu UBND tỉnh xử lý các vướng mắc về đất đai thuộc thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan giải quyết những vướng mắc về thực hiện nghĩa vụ tài chính của người bị thu hồi đất đối với Nhà nước.

b) Hướng dẫn việc phân bổ và kiểm tra việc thực hiện quyết toán sử dụng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các quy định hiện hành.

c) Phối hợp các ngành chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thực hiện dự án.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập và tổng hợp, trình phê duyệt kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư nằm trong tổng mức đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định;

b) Phối hợp Sở Tài chính tham mưu nguồn vốn để bố trí cho công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng các khu tái định cư.

c) Phối hợp các Sở, ngành chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

4. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn UBND cấp huyện lập quy hoạch, xây dựng các khu tái định cư, các khu quy hoạch đất ở mới để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng theo quy định hiện hành; Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện xử lý các nội dung vướng mắc về công tác tái định cư theo chức năng, nhiệm vụ của ngành (*quy hoạch khu tái định cư, quy hoạch phân lô các lô đất ở tái định cư, quy hoạch khu giao đất ở mới...*).

b) Hướng dẫn vướng mắc trong việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình, vật kiến trúc; bồi thường giá trị xây dựng.

c) Hướng dẫn việc thẩm định, phê duyệt giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở để phục vụ tái định cư (bao gồm cả nhà ở xã hội).

d) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo việc cung cấp mẫu thiết kế nhà ở miễn phí đối với trường hợp được giao đất ở tại khu tái định cư; thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành.

đ) Phối hợp các đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn xác định quy mô, diện tích, định mức cây trồng, vật nuôi trên đất để làm căn cứ xác định giá cây trồng, vật nuôi.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải quyết các vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản là cây rừng, cây cối, hoa màu, vật nuôi.

c) Phối hợp các ngành chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn việc xác định chế độ trợ cấp đối với người lao động làm việc (theo hợp đồng lao động được ký kết) trong các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh (có đăng ký kinh doanh) bị ngừng sản xuất, kinh doanh do Nhà nước thu hồi đất.

b) Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đào tạo, chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi có nhu cầu.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của UBND cấp huyện.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quyết định này và chỉ đạo của UBND tỉnh.

7. Thanh tra tỉnh

a) Phối hợp các Sở, ngành liên quan và chủ đầu tư giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thực hiện dự án theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo.

b) Kiểm tra, đôn đốc cấp huyện, các Sở, ngành liên quan trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

8. Các Sở, ngành khác

Có trách nhiệm phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý Nhà nước hoặc nhiệm vụ được phân công của cơ quan, đơn vị mình.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Triển khai thực hiện

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.